

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng các cầu yếu, hẹp trên tuyến đường tỉnh 514B, đoạn qua địa phận huyện Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 11116/UBND-THKH ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ cải tạo, nâng cấp các cầu yếu trên địa bàn huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 07/10/2021 của HĐND huyện Triệu Sơn khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng các cầu yếu, hẹp trên tuyến đường tỉnh 514B, đoạn qua địa phận huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Văn bản số 331/TĐ-KTHT ngày 01/12/2021 về việc báo cáo kết quả thẩm định báo cáo NCKT ĐTXD dự án (kèm theo Tờ trình của Ban QLDA ĐTXD huyện).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng các cầu yếu, hẹp trên tuyến đường tỉnh 514B, đoạn qua địa phận huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Xây dựng các cầu yếu, hẹp trên tuyến đường tỉnh 514B, đoạn qua địa phận huyện Triệu Sơn.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn.

4. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.

5. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các xã Hợp Thành và Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

6. Tổ chức tư vấn lập báo cáo NCKT: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Trung Nguyên.

7. Mục tiêu đầu tư:

Tạo thuận lợi cho việc giao thông đi lại, đảm bảo ATGT, giao lưu và phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác các nguồn tài nguyên và tiềm năng sẵn có của địa phương, đáp ứng lưu lượng giao thông ngày càng tăng cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh trật tự xã hội của địa phương nói riêng cũng như của tỉnh nói chung.

8. Quy mô đầu tư:

Xây dựng mới 03 cầu BTCT vĩnh cửu bằng BTCT và BTCTDUL theo TCVN 11823-2017, tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ 3.10^{-3} Mpa, tần suất thiết kế $P=4\%$. Bề rộng cầu $B_c=9,0m$, trong đó bề rộng phần xe chạy $B_{xc}=8,0m$, lan can $B_{lc}=2x0,5m=1,0m$.

9. Giải pháp và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản:

9.1. Cầu Vân Sơn

a) Quy mô:

Cầu Vân Sơn nằm trên đường ĐT.514B (Km3+887/ĐT.514B), thuộc địa phận xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn

- Cầu gồm 1 nhịp dầm bản BTCT DUL $L=15m$.
- Chiều dài toàn cầu $L_c= 22,10m$ (tính đến đuôi móng).
- Cầu nằm trên đường thẳng, dốc ngang cầu $i_n=2,0\%$ về 2 phía.
- Bề rộng cầu: $B_c = 9,0m$. Trong đó bề rộng phần xe chạy $B_{xc} = 8,0m$, gờ lan can $B_{lc}= 2x0,5m=1,0m$.

b) Kết cấu phân trên:

- Mặt cắt ngang gồm 9 dầm, khoảng cách các dầm $1,0m$. Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép, chiều cao dầm chủ $h=0,55m$. Bê tông dầm chủ $40MPa$ (28 ngày tuổi).

- Cốt thép thường dùng loại CB240-T và CB400-V theo TCVN 1651-2018. Cốt thép cường độ cao dùng loại 1 tao 7 sợi đường kính $D=12,7mm$ theo ASTM - A416-90a.

- Kết cấu mặt cầu gồm các lớp: bê tông nhựa chặt dày $7cm$, bê tông mặt cầu $30MPa$ dày $t_{min}=15cm$.

- Các dầm chủ được đặt trực tiếp gối cầu. Gối cầu sử dụng loại gối cao su cốt bản thép kích thước $150x200x28mm$.

- Khe co giãn tại móng M1, M2 dùng khe co giãn dạng ray.

- Độ dốc ngang mặt cầu 2.0% . Tạo dốc ngang mặt cầu bằng thay đổi kích thước tường thân móng.

- Gờ chân lan can bằng BTCT, tay vịn bằng thép hình. Tất cả các chi tiết thép dùng làm lan can không nằm trong bê tông đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày mạ $110\mu\text{m}$, mật độ mạ $781\text{g}/\text{m}^2$.

- Toàn cầu bố trí 06 ống thoát nước $\phi 150\text{mm}$.

c) Kết cấu phần dưới:

Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT đổ tại chỗ, móng cọc khoan nhồi đường kính $\Phi 80\text{cm}$.

d) Đường hai đầu cầu:

Thiết kế vuốt nối về đường hiện trạng (đường hiện trạng quy mô cấp V đồng bằng theo TCVN 4054:2005; chiều rộng nền đường $B_n=7,50\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 6,50\text{m}$, chiều rộng lề đường $B_l = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$).

* Nền đường:

Nền đường đắp bằng đất đầm chặt yêu cầu $K \geq 0,95$, lớp sát đáy kết cấu áo đường yêu cầu đạt độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm ; mái taluy đắp $1/1,5$. Trước khi đắp đào bỏ lớp đất bùn, đất hữu cơ.

* Mặt đường:

Thiết kế đảm bảo $E_{yc} > 130\text{Mpa}$, gồm các lớp từ trên xuống như sau:

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm .
- Tưới nhựa dính bám TCN $0,5\text{Kg}/\text{m}^2$.
- Lớp móng đá (4x6)cm chèn đá dăm lớp trên dày 14cm .
- Lớp móng đá (4x6)cm lớp dưới dày 24cm .
- Lớp đất đắp K98 dày 30cm .

9.2. Cầu Làng Đồng và Cầu Hữu Tiến

a) Quy mô:

- Cầu Làng Đồng nằm trên đường ĐT.514B (Km0+466/ĐT.514B), thuộc địa phận xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn.

- Cầu Hữu Tiến nằm trên đường ĐT.514B (Km2+669/ĐT.514B), thuộc địa phận xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn.

- Quy mô chung của 02 cầu như sau:

- + Cầu gồm 1 nhịp dầm bản BTCT DƯỠ L=12m.
- + Chiều dài toàn cầu $L_c = 18,10\text{m}$ (tính đến đuôi mố).
- + Cầu nằm trên đường thẳng, dốc ngang cầu $i_n=2,0\%$ về 2 phía.
- + Bề rộng cầu: $B_c = 9,0\text{m}$. Trong đó bề rộng phần xe chạy $B_{xc} = 8,0\text{m}$, gờ lan can $B_{lc} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

b) Kết cấu phần trên:

- Mặt cắt ngang gồm 9 dầm, khoảng cách các dầm $1,0\text{m}$. Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép, chiều cao dầm chủ $h=0,52\text{m}$. Bê tông dầm chủ 40MPa (28 ngày tuổi).

- Cốt thép thường dùng loại CB240-T và CB400-V theo TCVN 1651-2018. Cốt thép cường độ cao dùng loại 1 tao 7 sợi đường kính $D=12,7\text{mm}$ theo ASTM - A416-90a.

- Kết cấu mặt cầu gồm các lớp: bê tông nhựa chặt dày 7cm, bê tông mặt cầu 30MPa dày $t_{\min}=15\text{cm}$.

- Các dầm chủ được đặt trực tiếp gối cầu. Gối cầu sử dụng loại gối cao su cốt bản thép kích thước 150x200x28mm.

- Khe co giãn tại mố M1, M2 dùng khe co giãn dạng ray.

- Độ dốc ngang mặt cầu 2,0%. Tạo dốc ngang mặt cầu bằng thay đổi kích thước tường thân mố.

- Gờ chân lan can bằng BTCT, tay vịn bằng thép hình. Tất cả các chi tiết thép dùng làm lan can không nằm trong bê tông đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày mạ 110 μm , mật độ mạ 781g/m².

- Toàn cầu bố trí 04 ống thoát nước $\phi 150\text{mm}$ bằng nhựa PVC.

c) Kết cấu phần dưới:

Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT đổ tại chỗ, móng cọc khoan nhồi đường kính $\Phi 80\text{cm}$.

d) Đường hai đầu cầu:

Thiết kế vượt nối về đường hiện trạng (đường hiện trạng quy mô cấp V đồng bằng theo TCVN 4054:2005; chiều rộng nền đường $B_n=7,50\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m = 6,50\text{m}$, chiều rộng lề đường $B_l = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$).

* Nền đường:

Nền đường đắp bằng đất đầm chặt yêu cầu $K \geq 0,95$, lớp sát đáy kết cấu áo đường yêu cầu đạt độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm; mái taluy đắp 1/1,5. Trước khi đắp đào bỏ lớp đất bùn, đất hữu cơ.

* Mặt đường:

Thiết kế đảm bảo $E_{yc} > 130\text{Mpa}$, gồm các lớp từ trên xuống như sau:

- Bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm.
- Tưới nhựa dính bám TCN 0,5Kg/m².
- Lớp móng đá (4x6)cm chèn đá dăm lớp trên dày 14cm.
- Lớp móng đá (4x6)cm lớp dưới dày 24cm.
- Lớp đất đắp K98 dày 30cm.

9.3. An toàn giao thông

- Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019 BGTVT.

- Bố trí 02 biển cầu phía mố M1 và mố M2.

- Bố trí lan can tôn sóng hai bên phạm vi đường đầu cầu

9.4. Đường tạm phục vụ thi công

- Thi công đắp đường tạm để đảm bảo giao thông thông suốt trong quá trình thi công. Đường tạm có quy mô $B_m=3,5\text{m}$, $B_n=5,0\text{m}$, mặt đường bằng CPĐĐ loại 2 dày 30cm, nền đường đắp đất đạt độ chặt $K > 90$.

- Cống thoát nước tạm sử dụng loại cống tròn BTCT $D=1.5\text{m}$, tường đầu và tường cánh cống được gia cố rọ đá để giữ ổn định trong quá trình khai thác. Riêng cầu Làng đồng do lòng suối bị thu hẹp nên ko gia cố tường đầu cống.

10. Tổng mức đầu tư dự án: 16.958,9 triệu đồng

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	13.322,3 triệu đồng
- Chi phí QLDA	354,5 triệu đồng
- Chi phí TVĐTXD	1.210,7 triệu đồng
- Chi phí khác	529,7 triệu đồng
- Chi phí dự phòng	1.541,7 triệu đồng

(có biểu chi tiết kèm theo)

11. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng 70% (không quá 12 tỷ đồng); phần còn lại do ngân sách huyện đảm nhận.

12. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2022.

15. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng: Đất trong khu vực thực hiện dự án được bồi thường và thu hồi theo quy định của Luật Đất đai và các quy định hiện hành khác.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- TT HĐND huyện (b/c);
- Các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
DỰ ÁN: XÂY DỰNG CÁC CẦU YẾU, HẸP TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH
514B, ĐOẠN QUA ĐỊA PHẬN HUYỆN TRIỆU SƠN

Đơn vị tính: đồng

TT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	GIÁ TRỊ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	13.322.269.000
1	Cầu Làng Đồng Km0+466	3.471.351.000
2	Cầu Hữu Tiến Km2+699	3.720.144.000
3	Cầu Vân Sơn Km3+887	6.130.774.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	354.531.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.210.668.000
III.1	Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	428.139.000
1	Khảo sát phục vụ lập Báo cáo NCKT	309.748.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát bước lập BCNCKT	9.292.000
3	Giám sát khảo sát bước lập Báo cáo NCKT	12.613.000
4	Lập Báo cáo NCKT	96.485.724
III.2	Giai đoạn thiết kế BVTC	782.529.000
1	Khảo sát phục vụ lập thiết kế BVTC	100.000.000
2	Giám sát khảo sát bước lập thiết kế BVTC	4.072.000
3	Lập thiết kế BVTC và DT	179.421.296
4	Thẩm tra thiết kế BVTC	22.000.974
5	Thẩm tra dự toán	21.439.958
6	Giám sát thi công xây dựng	412.565.222
7	Lập HSMT và đánh giá HSĐT gói thầu thi công xây dựng	43.029.387
IV	CHI PHÍ KHÁC	529.745.000
1	Thẩm định dự án	1.611.099
2	Thẩm định thiết kế BVTC và DT	26.038.980
3	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu thi công xây dựng	12.111.154
4	Chi phí đảm bảo ATGT trong quá trình thi công	281.379.000
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình XD	37.505.929
6	Bảo hiểm công trình	38.634.580
7	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	28.676.017
8	Kiểm toán	103.788.681
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	1.541.721.000
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	1.541.721.291
	TỔNG CỘNG	16.958.934.000

Mười sáu tỷ, chín trăm năm mươi tám triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng./.